TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Ông Lê Minh Chiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST–HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 931/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1027/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Nguyễn Hùng M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ chị D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hùng M qua thời gian quen nhau tìm hiểu khoảng một năm rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 12 năm 2007 tại UBND thị trấn Bình Định, huyện A (nay là phường B, thị xã A). Sau

khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở đường Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Đỉnh điểm là cuối năm 2021 anh M chơi cờ bạc, không chung thủy. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh M không sửa đổi tính tình mà còn thách thức ly hôn. Trước đây vài năm, anh M cũng chơi cờ bạc nên chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã A nhưng qua hòa giải chị tự nguyện rút yêu cầu ly hôn với anh M. Sau lần này, anh M đã hứa sửa đổi nhưng đến cuối năm 2021 thì anh M vẫn tiếp tục chơi cờ bạc và có tính không chung thủy. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhưng chị xét thấy không còn tình cảm với anh M nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hùng M có hai con chung gồm: Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/3/2015. Hiện nay các con đang ở chung với vợ chồng. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hùng M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.***

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Nguyễn Hùng M cư trú tại phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hùng M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị Ngọc D và anh Nguyễn Hùng M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2007 tại UBND phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị D và anh M là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, giữa chị D và anh M xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh M thường xuyên cờ bạc. Trước đây chị D đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã A nhưng qua hòa giải chị D tự nguyện rút yêu cầu ly hôn với anh M. Tuy nhiên sau đó anh M vẫn không sửa đổi, đến cuối năm 2021 thì anh M vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, nhiều lần đánh chị D. Tòa đã tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh M không đến Tòa để trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Nguyễn Hùng M có hai con chung gồm: Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/3/2015. Hiện nay các con đang ở chung với chị D và anh M. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D, cháu D1 và cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ và từ trước đến nay một mình chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Hùng M.

2. Giao hai con chung tên Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 05/9/2008 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 09/3/2015, hiện đang ở với chị Trần Thị Ngọc D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hùng M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tiền án phí: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005132 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Về quyền kháng cáo: Tất cả đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- CC THADS thị xã A;
- Phòng KTNV và THA; TAND tỉnh Bình Định;
- UBND phường B, thị xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh